TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 28-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm;

Ông Lý Thanh Chiều;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ trụ sở: Số 130, đường P, Phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng H; địa chỉ: Số 257, Quốc lộ 1A, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 09/QĐ-STG ngày 01 tháng 6 năm 2019). (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc H;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-5-2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hoàng H, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21-9-2012, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng Đ) với ông Nguyễn Quốc H có ký Hợp đồng vay trả góp số T12008/HĐTD/01. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng Đ cho ông H vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 13,2%/năm, lãi suất quá hạn là 19,8%/năm, lãi tính theo dư nợ ban đầu, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 21-9-2012 đến ngày 21-9-2015, hình thức bảo đảm nợ vay là tín chấp; phương thức trả vốn gốc và lãi vay là trả góp thành 36 kỳ bằng nhau, mỗi kỳ trả 388.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 380.000 đồng và trả vào ngày 21 hàng tháng.

Sau khi vay, ông H trả góp vốn và lãi cho Ngân hàng Đ được 12 kỳ, với số tiền tổng cộng là 4.656.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay. Ông H đã vi phạm nghĩa vụ của người vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng, đó là không thanh toán vốn gốc, lãi vay đầy đủ, đúng kỳ hạn.

Nay Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải thanh toán khoản nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-8-2019) bao gồm tiền vốn gốc 7.520.215 đồng, tiền lãi trong hạn 1.783.785 đồng, tiền lãi quá hạn 7.411.270 đồng, tổng cộng 16.715.270 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Hân trả hết nợ.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng vay trả góp số T12008/HĐTD/01 ngày 21-9-2012 (bản chứng thực); Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 14-9-2012 (bản chứng thực); Danh sách cho vay trả góp ngày 21-9-2012 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản chứng thực); Quyết định số 122/QĐ-D-HĐQT ngày 27-4-2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T - Tổng Giám đốc đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, thực hiện một số công việc tại cơ quan tư pháp (bản chứng thực); Quyết định số 1087/QĐ-D-PC ngày 21-6-2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, về việc ủy quyền thường xuyên cho ông Nguyễn Hiếu T thực hiện một số công việc tại các cơ quan pháp luật (bản chứng thực); Quyết định số 27/QĐ-D-HĐQT ngày 19-3-2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, về việc tái bổ nhiệm ông Nguyễn Hiếu T giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Sóc Trăng (bản chứng thực); Quyết định số 09/QĐ-STG ngày 01-6-2019 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng, về việc ủy quyền cho ông Phạm Hoàng H đại diện tại cơ quan pháp luật (bản chính); Sao kê hoạt động của khách hàng vay Nguyễn Quốc H đề ngày 02-5-2019 (bản chính); Bảng tính lãi quá hạn

hồ sơ khách hàng Nguyễn Quốc H tính đến ngày 02-5-2019 (bản chính); Bảng tính lãi quá hạn hồ sơ khách hàng Nguyễn Quốc H tính đến ngày 29-6-2019 (bản chính); Bảng tính lãi quá hạn hồ sơ khách hàng Nguyễn Quốc H tính đến ngày 28-8-2019 (bản chính) Hợp đồng lao động số 29/HĐLĐ ngày 01-3-2012 (bản photo); Sổ hộ khẩu gia đình, họ và tên chủ hộ Nguyễn Quan T và giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quốc H (bản photo).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông biết, nhưng ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Đ yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho ông biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Đ cung cấp, giao nộp thì việc khởi kiện của Ngân hàng Đ đối với ông H là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc ông Hân vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ ký Hợp đồng vay trả góp, cho ông H vay tiền với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận nên Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng

xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng Đ và ông H là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn là ông H có địa chỉ cư trú ở ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, về việc yêu cầu ông H trả tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-8-2019) bao gồm tiền vốn gốc 7.520.215 đồng, tiền lãi trong hạn 1.783.785 đồng, tiền lãi quá hạn 7.411.270 đồng, tổng cộng là 16.715.270 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-8-2019) cho đến khi ông H trả hết nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Hợp đồng vay trả góp số T12008/HĐTD/01 và Danh sách cho vay trả góp, cùng ngày 21-9-2012 thì, ông H có vay và ký nhận tiền vay của Ngân hàng Đ là 10.000.000 đồng, lãi suất vay trong hạn là 13,2%/năm, lãi suất quá hạn là 19,8%/năm, lãi tính theo dư nợ ban đầu, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 21-9-2012 đến ngày 21-9-2015, hình thức bảo đảm nợ vay là tín chấp; phương thức trả vốn gốc và lãi vay là trả góp thành 36 kỳ bằng nhau, mỗi kỳ trả 388.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 380.000 đồng và trả vào ngày 21 hàng tháng. Sau khi vay, ông H chỉ trả góp được 12 kỳ với số tiền tổng cộng là 4.656.000 đồng thì ngưng và đến nay khoản nợ vay này đã quá hạn.

[5] Theo Án lệ số 08/2016/AL về giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay".*

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc ông H phải trả nợ cho Ngân hàng Đ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-8-2019) gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán 7.520.215 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn 1.783.785 đồng; tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán 7.411.270 đồng; tổng cộng là 16.715.270 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 29-8-2019), ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay trả góp số T12008/HĐTD/01 ngày 21-9-2012, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong Hợp đồng vay trả góp số T12008/HĐTD/01 ngày 21-9-2012, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ là có căn cứ.

[8] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ được chấp nhận toàn bộ nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.715.270 đồng x 5% = 835.763,5 đồng, làm tròn số là 835.763 đồng, còn Ngân hàng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-

2010 của Ngân hàng Nhà nước, hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Buộc ông Nguyễn Quốc H trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-8-2019), bao gồm các khoản sau đây:

- Nợ gốc: 7.520.215 đồng (Bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn hai trăm mười lăm đồng);

- Tiền lãi trong hạn: 1.783.785 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng);

- Tiền lãi quá hạn: 7.411.270 đồng (Bảy triệu bốn trăm mười một nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Tổng cộng là 16.715.270 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-8-2019), ông Nguyễn Quốc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay trả góp số T12008/HĐTD/01 ngày 21-9-2012, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng vay trả góp số T12008/HĐTD/01 ngày 21-9-2012, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, thì lãi suất mà ông Nguyễn Quốc H phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

3. Án phí:

- Ông Nguyễn Quốc H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 835.763 đồng (Tám trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 405.700 đồng (Bốn trăm lẻ năm nghìn bảy trăm đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006221 ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm